

|                                                                                                                                        |                                                                                             |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>TÒA ÁN NHÂN DÂN<br/>THÀNH PHỐ HÀ NỘI</b></p> <p>Bản án số: <b>14/2022/HNGĐ-PT</b><br/>Ngày: 14/3/2022<br/>V/v: <i>Ly hôn</i></p> | <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT<br/>NAM</b><br/><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></p> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết T2**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Thanh Hèn**  
**Ông Nguyễn Đức Lập**

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Nhung**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

**Bà Lê Thị Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên

Ngày 14/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 113/2021/TLPT-HNGĐ ngày 13/10/2021 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 236/2021/HNGĐ-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân Hện H.Đ, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2021/QĐXX-PT ngày 09/11/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 127/2021/QĐPT ngày 22/11/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 06/2022/TB-TA ngày 12/1/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐPT ngày 26/1/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 117/2021/QĐPT ngày 21/2/202, giữa:

**\* *Nguyên đơn***: Chị N.T.M1, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn V, xã D.T, H.Đ, Hà Nội.

**\* *Bị đơn***: Anh T.Q.T1, sinh năm 1987.

HKTT: Thôn V, xã D.T, H.Đ, Hà Nội.

**\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập***:

Ông N.V.T2, sinh năm 1958. HKTT: Thôn Dậu 2, xã D.T, H.Đ, Hà Nội.

**\* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

Bà T.T.M2(tức Từ), sinh năm 1959. HKTT: Thôn Dậu 2, xã D.T, H.Đ, Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\**Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày***: Chị N.T.M1 và anh T.Q.T1 đăng ký kết hôn ngày 16/11/2011 trên cơ sở tự nguyện, tại UBND xã D.T, Hện H.Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống nhưng có nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị xin ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị M1 và anh T1 có 01 (một) con chung là cháu T.Q.H, sinh ngày 23/12/2012. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Chị M1 yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Từ khi kết hôn, anh chị đã thỏa thuận không ai đóng góp tiền cho ai, con cái nuôi chung nên anh chị không có tài sản chung. Chị M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

**\*Bị đơn là anh T.Q.T1 trình bày:** Anh T1 thừa nhận về việc kết hôn mà chị M1 trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do những năm tháng đầu tiên, vợ chồng khó khăn về kinh tế. Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn về vấn đề tài sản do chị M1 đem tiền là tài sản chung của anh chị để đi mua đất đứng tên bố mẹ đẻ, sau khi đứng tên bố mẹ đẻ, chị M1 mới thông báo cho anh. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân. Nay chị M1 xin ly hôn, anh T1 đồng ý nếu giải quyết xong vấn đề về con chung và tài sản.

Về con chung: Anh T1 và chị M1 có 01 (một) con chung là cháu T.Q.H, sinh ngày 23/12/2012. Khi ly hôn, anh T1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Anh T1 yêu cầu chị M1 cấp dưỡng nuôi con chung với mức tối thiểu của pháp luật.

Anh T1 ngoài thu nhập làm ở Viettel còn làm tự do. Thu nhập của anh từ khi kết hôn đến năm 2019 là khoảng 10.000.000đ/tháng là tiền anh để được tiết kiệm còn tiền lo cho gia đình thì anh cũng kiếm được thêm.

Về tài sản chung: Anh T1 yêu cầu chia đôi số tiền 600.000.000đ là tiền hai vợ chồng tích góp trong 08 năm chung sống sau khi vợ chồng kết hôn, phần của anh là 300.000.000đ (Ba trăm.000.000đồng).

Đối với yêu cầu của ông T2, hiện do ông T2 đang chiếm giữ trái phép 600.000.000đ của gia đình anh nên anh không di chuyển ra khỏi nhà ông T2; Đối với số tiền tiền thuê nhà từ tháng 5/2019 đến nay, anh T1 không chấp nhận.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông N.V.T2 trình bày:**

Ông N.V.T2 và vợ là bà T.T.M2 (Tên khác: Từ) là chủ sở hữu thửa đất số 194C, tại thôn Dền, xã D.T, huyện H.Đ, Hà Nội. Sau khi con gái ông là chị M1 lập gia đình, ông có cho chị M1 và cháu ngoại là H đến ở nhờ trên diện tích 60m<sup>2</sup>. Sau đó, con rể là anh T1 có tự đến ở cùng vợ con.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng anh T1 và chị M1 thường xảy ra xích mích, đánh, cãi, chửi nhau. Đến tháng 5/2019, chị M1 đã di chuyển ra nơi khác ở riêng. Anh T1 vẫn ở lại chiếm hữu trái phép phần diện tích ông T2 cho ở nhờ và cũng không trả tiền thuê nhà.

Nay ông T2 yêu cầu anh T1 thanh toán toàn bộ tiền thuê nhà từ tháng 5/2019 đến nay với giá 2.000.000đ/tháng. Buộc anh T1 di chuyển ra khỏi khối tài sản của vợ chồng ông tại thôn Dền, xã D.T, huyện H.Đ, Hà Nội.

Đối với khối tài sản của vợ chồng ông tại Thửa đất số 105-2, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: thôn Đa, xã D.T, huyện H.Đ, Hà Nội là thửa đất vợ chồng ông mua bán với vợ chồng ông Minh, không liên quan gì đến anh T1, chị M1. Vợ chồng chị M1, anh T1 ăn riêng, ở riêng, ông khẳng định chưa bao giờ bàn, trao đổi, H động một đồng nào của con gái hay con rể để mua chung đất. Ông không chấp nhận yêu cầu của anh T1.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T.T.M2 trình bày:** Bà Min là vợ ông N.V.T2, bà nhất trí với quan điểm của ông T2 và không có ý kiến gì khác.

**\*UBND xã D.T, Huyện H.Đ, thành phố Hà Nội cung cấp:**

Đối với thửa đất số 194C, tờ bản đồ số 04 tại thôn Dền, xã D.T, huyện H.Đ, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông N.V.T2 và bà T.T.M2 (Tên gọi khác: bà Phạm Thị Từ) ngày 29/12/2006, nguồn gốc sử dụng: đất thổ cư cũ do cha ông để lại.

Đối với thửa đất số 105-2, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất: thôn Đa, xã D.T, huyện H.Đ, Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông N.V.T2 và bà T.T.M2 ngày 23/4/2019, nguồn gốc do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**Tại Bản án số 236/2021/HNGĐ-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân Huyện H.Đ, Hà Nội đã xử và quyết định:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N.T.M1 và anh T.Q.T1.
2. Về con chung: Giao cháu T.Q.H, sinh ngày 23/12/2012 cho anh T.Q.T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 (Mười tám) tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị N.T.M1 cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng (Hai.000.000đồng/tháng) đối với anh Nguyễn Tài T1 kể từ tháng 8 năm 2021 đến khi cháu H đủ 18 (Mười tám) tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác về mức cấp dưỡng.

Chị N.T.M1 có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm.000.000đồng), trong đó anh T1 yêu cầu được hưởng 300.000.000đ (Ba trăm.000.000đồng) của anh T.Q.T1.

4. Buộc anh T.Q.T1 trả lại quyền sử dụng đất và các khác tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 194C, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: thôn Dền, xã D.T, huyện H.Đ, thành phố Hà Nội cho ông N.V.T2 và bà T.T.M2. Anh T1 được sở hữu các tài sản gồm 01 tủ quần áo 3 buồng (cũ), 01 tủ lạnh (cũ), 01 quạt điều hòa (cũ).

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông N.V.T2 buộc anh T.Q.T1 trả tiền thuê nhà với mức 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2019 đến nay.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 21/7/2021, anh T.Q.T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án xem xét chia tài sản chung giữa anh và chị M1 về số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm.000.000đồng).

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Anh T.Q.T1 trình bày: Anh và chị N.T.M1 đăng ký kết hôn ngày 16/11/2011 tại UBND xã D.T, huyện H.Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T1 tại thôn V, xã D.T, huyện H.Đ, Hà Nội. Khoảng năm 2014, anh chị cHển đến ở nhờ tại nhà đất của bố mẹ chị M1 tại địa chỉ thôn Dền, xã D.T, huyện H.Đ, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng thì thoảng xảy ra mâu thuẫn. Ban đầu là do chị M1 mâu thuẫn với bố chồng. Theo anh T1 mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất. Tháng 9 năm 2015, anh chị ly thân và đã từng ký đơn ly hôn nhưng chưa nộp ra tòa. Sau đó tháng 01/2016, vợ chồng lại quay lại chung sống tại nhà đất bố mẹ chị M1 cho ở nhờ. Đến cuối năm 2019, mâu thuẫn đỉnh điểm do anh T1 cho rằng chị M1 lấy tiền chung của vợ chồng đưa cho bố mẹ chị M1 (ông N.V.T2, bà T.T.M2) góp tiền mua đất nhưng không bàn bạc với chồng, tự ý đứng tên của ông bà, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Khi mới kết hôn, anh T1 làm công nhân tại Công ty khóa Dulico (khu công nghiệp vừa và nhỏ T.L, Nam T.L, Hà Nội), mức lương khoảng gần 10.000.000đồng/tháng (do thời gian đã lâu, anh T1 không còn tài liệu chứng minh thu nhập này). Lúc đó chị M1 đang học tiếp, sau đó ở nhà sinh con.

Khoảng năm 2013-2014, anh nghỉ làm công nhân, đi bán hoa quả. Thu nhập khoảng từ 10-15.000.000đồng/tháng (đây là việc buôn bán tự do, thu nhập không ổn định nên không có tài liệu chứng cứ để chứng minh).

Khoảng năm 2013, chị M1 đi làm ở trung tâm Viettel H.Đ. Ban đầu, mức lương chỉ khoảng 3-4.000.000đồng/tháng, sau đó tăng dần lên. Hiện nay, anh không biết thu nhập của chị M1 là bao nhiêu, anh ước lượng khoảng 20.000.000đồng/tháng.

Khoảng 2 năm đầu khi mới kết hôn, thu nhập của hai vợ chồng chỉ đủ chi tiêu sinh hoạt hàng ngày. Toàn bộ thu nhập của anh dùng vào sinh hoạt hàng ngày, chị M1 chưa đi làm nên không có đóng góp gì. Thời gian đó vợ chồng không tích góp được gì.

Khoảng từ 2013 trở đi, vợ chồng thu nhập cao hơn, có tiền để tiết kiệm. Hàng tháng, sau khi trừ chi tiêu cá nhân, anh T1 đưa cho vợ khoảng 2-7.000.000đồng/tháng để chi tiêu gia đình, còn lại là tiết kiệm. Việc chị M1 lương được bao nhiêu, chi tiêu

cụ thể vào những việc gì, anh không biết. Anh cho rằng toàn bộ chi tiêu trong gia đình, anh đã lo hết. Tiền của chị M1 chỉ để gửi tiết kiệm.

Anh T1 cho rằng đến giữa năm 2019 thì vợ chồng tiết kiệm được khoảng 500.000.000 đồng gửi 02 ngân hàng HDBank và MBbank, gửi bằng sổ tiết kiệm và để trong tài khoản của chị M1. Số tiền này anh không được giữ, hoàn toàn là chị M1 giữ. Đây là số tiền vợ chồng tích góp được trong quá trình chung sống.

Năm 2019, anh chị bàn về việc mua nhà chung cư hoặc xây nhà, nhưng chị M1 không đồng ý và muốn mua đất ở, muốn vay ngân hàng nhưng chị M1 không đồng ý nên bàn việc vay thêm ông T2 bà Min (bố mẹ chị M1) để mua đất. Khi đó, bố mẹ để anh T1 cho vợ chồng 120.000.000 đồng để mua đất. Anh đã đưa toàn bộ số tiền này cho chị M1. Anh chị cùng đi xem đất của ông N.V.M3, đất ở thôn Đa, xã D.T, huyện H.Đ, Hà Nội, với giá khoảng gần 30.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Nhưng khi trả tiền thì chị M1 tự đi trả tiền, anh không biết giá chị M1 mua bao nhiêu, không biết hợp đồng mua bán ký như thế nào. Sau khi hồ sơ mua bán đất đã hoàn thành, chị M1 mới báo cho anh biết rằng đất mua này đứng tên ông T2 bà Min. Anh không đồng ý với việc này và vợ chồng mâu thuẫn từ đó đến nay. Sau đó, chị M1 đã chuyển khoản trả lại anh số tiền 120.000.000 đồng để trả lại bố mẹ để anh T1.

Số tiền 120.000.000 đồng bố mẹ anh đưa anh thì cũng không có giấy tờ gì. Sau khi nhận tiền lại anh đã gửi tiết kiệm. Vào năm 2019, anh mở hai sổ tiết kiệm mang tên anh tại ngân hàng thương mại cổ phần quân đội chi nhánh Mỹ Đình, một sổ có số tiền 130.000.000 đồng, một sổ có số tiền 250.000.000 đồng. Hai khoản tiền này anh đã tất toán và khoản tiền 120.000.000 đồng nhận lại từ chị M1 anh không rõ nằm trong sổ tiết kiệm nào, số tiền còn lại là do anh tích góp từ sau khi năm 2019 vợ chồng đã mâu thuẫn nên đây là tài sản riêng của anh. Ngoài ra anh không còn khoản tiền nào khác.

Số tiền chung vợ chồng sau 8 năm chung sống là 500.000.000 đồng (làm tròn). Anh đề nghị chia đôi số tiền này và yêu cầu chị M1 trả anh bằng tiền mặt. Ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

Chị N.T.M1 trình bày: Chị nhất trí với trình bày của anh T1 về thời gian kết hôn cũng như thời gian vợ chồng thay đổi chỗ ở. Quá trình chung sống vợ chồng gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế. Từ ngày bố mẹ chị cho vợ chồng ở nhờ, mọi sinh hoạt hàng ngày đều được sự hỗ trợ vật chất rất nhiều từ bố mẹ chị, bản thân hai vợ chồng rất khó khăn. Năm 2013, chị đi làm ở trung tâm Viettel H.Đ. Ban đầu, mức lương chỉ khoảng 3-4.000.000 đồng/tháng, sau đó tăng dần lên. Trong khi đó anh T1 đi làm công nhân, sau đi buôn bán hoa quả nhỏ nên thu nhập cũng không có. Việc anh T1 khi thu nhập nhiều như vậy là không đúng vì anh T1 không bao giờ đưa tiền lương và thu nhập cho chị. Thỉnh thoảng anh T1 chỉ đưa cho chị có ngày 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng, số lần anh T1 đưa cho chị 1.000.000 đồng là rất ít. Trong khi đó bản thân chị còn phải nuôi con, đưa con đi khám chữa bệnh và chi tiêu sinh hoạt hàng ngày nên đều nhờ vào sự hỗ trợ của bố mẹ chị rất nhiều. Năm 2015, vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức phải làm giấy ly hôn, khi đó vợ chồng đã ký giấy xác nhận về

tài sản chung là không có. Từ đó đến nay vợ chồng đã ly thân, kinh tế độc lập. Việc anh T1 trình bày trong tài khoản trả lương của chị có sự biến động là do chị đi thu tiền của khách hàng chuyển khoản vào tài khoản của chị sau đó chị chuyển khoản về cho công ty.

Đối với các sổ tiết kiệm mà anh T1 trình bày và đã được ngân hàng HDBank sao kê cho tòa án huyện H.Đ mang tên chị thì đây là tiền của bố mẹ chị nhờ chị đứng tên hộ không phải là tiền của chị vì bố mẹ chị đã cao tuổi, đi lại khó khăn. Trong các sổ tiền này, thực tế chỉ có khoảng hơn 300.000.000 đồng và những lần gửi, rút (tất toán), sau đó lại gửi lại có khoản thì gửi cả lãi có khoản thì rút lãi cho ông bà, trong số tiền này có cả số tiền mà bố mẹ chị đã thanh toán lại cho anh T1 là 120.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án xem xét, xác định đây không phải là tài sản chung vợ chồng nên không thể chia cho anh T1. Ngoài ra chị cũng không còn đứng tên một khoản tiết kiệm nào khác.

Đối với việc mua bán đất như anh T1 trình bày là không đúng. Việc mua bán đất là tiền của bố mẹ chị bỏ ra và giao dịch trực tiếp với người bán đất không liên quan gì đến vợ chồng chị. Và hiện nay, thửa đất này bố mẹ chị đã được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất mang tên ông bà.

Ông N.V.T2 và bà T.T.M2 trình bày: Chị M1 là con gái của ông bà và có kết hôn với anh T1. Quá trình chung sống, các cháu thường xuyên mâu thuẫn. Giai đoạn đầu, do các cháu khó khăn về kinh tế nên ông bà đã cho vợ chồng các cháu ở nhờ trên nhà đất của mình cho đến nay. Việc ăn uống sinh hoạt đều do ông bà hỗ trợ cho các cháu là chính. Bản thân ông bà có nghề buôn bán, có thu nhập và có rất nhiều khoản tiền gửi ở các tổ chức tín dụng khác nhau. Đối với khoản tiền ở ngân hàng HDBank là tiền của ông bà nhờ chị M1 đứng tên gửi ngắn hạn để lấy tiền lãi. Do vậy đây không phải là tài sản chung của vợ chồng anh T1 chị M1 nên ông bà không chấp nhận ý kiến của anh T1, đề nghị Tòa án xem xét

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh T.Q.T1 nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự thì không có căn cứ xác định là tài sản của ông T2, bà Min. Đề nghị xác định số tiền trong tài khoản chị M1 là tài sản chung vợ chồng và chia cho anh T2 chị M1 mỗi người 50% giá trị. Đối với 02 sổ tiết kiệm đứng tên anh T1, anh chị đều xác định trong đó có 120.000.000 đồng tiền của bố mẹ anh T1 cho để mua nhà, do anh chị không mua nhà nên anh chị nhất trí trả lại số tiền này cho bố mẹ anh T1. Số tiền còn lại là tài sản chung vợ chồng, đề nghị chia mỗi người 50% giá trị.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên thiếu về phần án phí đối với yêu cầu về tài sản của đương sự nhưng không được chấp nhận. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân thành

phố Hà Nội chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần tài sản và án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo trong thời hạn kháng cáo, đã nộp tạm ứng án phí nên chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự chỉ thể hiện tại ngân hàng HDBank có các khoản tiền được mở tài khoản tiết kiệm tại ngân hàng đứng tên chị N.T.M1 với 8 tài khoản. Xét lời trình bày của chị M1, ông T2 và bà Min thì không có căn cứ để xác định đây là tài sản của ông bà nhờ chị M1 đứng tên nên đây là tài sản chung của chị M1 và anh T1. Xét 8 tài khoản tiết kiệm này cũng như lời trình bày của chị M1 về việc gửi tiền tiết kiệm để lấy lãi thì có căn cứ xác định có 05 khoản tiền: (1) Khoản tiền 100.000.000đồng gửi ngày 04/01/2018, tất toán ngày 11/02/2019 sau đó được gửi lại cùng ngày với số tiền 108.000.000đồng. (2) Khoản tiền 300 triệu gửi ngày 13/11/2018, tất toán ngày 14/12/2018 và được gửi lại cùng ngày. (3) khoản tiền 50.000.000đồng gửi ngày 18/10/2019 tất toán ngày 18/10/2019 và gửi lại ngày 28/10/2019 với số tiền 52.000.000đồng. (4) Khoản tiền 10.000.000đồng gửi ngày 20/6/2019. (5) Khoản tiền 90.000.000đồng gửi ngày 24/9/2018. Các khoản tiền trên đã được tất toán. Do đó, chỉ có căn cứ xác định số tiền thực tế chị M1 đứng tên là 560.000.000đồng, trong số này cần xác định số tiền đã thanh toán trả cho anh T1 là 120.000.000đồng nên số tiền còn lại 440.000.000đồng là tài sản chung của anh chị. Xét lời trình bày của chị M1, anh T1 đều có căn cứ xác định trong thời gian anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng thì kinh tế độc lập nên việc tạo dựng khối tài sản này là công sức chủ yếu của chị M1 nên cần chia cho chị M1 nhiều hơn đối với anh T1 theo tỷ lệ 60:40. Chị M1 được hưởng số tiền 264.000.000đồng, anh T1 được hưởng số tiền 176.000.000đồng.

Anh T1 trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ đến năm 2019 mới phát sinh mâu thuẫn, kinh tế độc lập và xuất trình 02 sổ tiết kiệm mang tên anh T.Q.T1 được mở tại ngân hàng thương mại cổ phần quân đội chi nhánh Mỹ Đình với số tiền 130.000.000đồng vào ngày 01/3/2021 và số tiền 250.000.000đồng vào ngày 27/8/2021. Đến phiên tòa phúc thẩm, anh T1 đã tất toán cả hai sổ tiết kiệm này. Anh T1 và chị M1 đều xác định trong hai tài khoản có 120.000.000đồng là tiền của bố mẹ anh T1 đưa để mua nhà, do không mua nhà nên anh chị thống nhất trả lại cho bố mẹ anh T1, nên số tiền còn lại 260.000.000đồng là tài sản chung vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do việc tạo dựng khối tài sản này là công sức chủ yếu của anh T1 nên cần chia cho anh T1 nhiều hơn đối với chị M1 theo tỷ lệ 60:40, anh T1 được hưởng số tiền 156.000.000đồng và chị M1 được hưởng số tiền

104.000.000đồng. Đối trừ nghĩa vụ, chị M1 phải thanh toán cho anh T172.000.000đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp nên chấp nhận.

Do là vụ án ly hôn, trong đó có chia tài sản chung vợ chồng nên các đương sự chỉ phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng nên không chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị đương sự phải chịu án phí đó với phần tài sản không được chấp nhận.

Về án phí: Anh T.Q.T1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Chị M1 và anh T1 phải chịu án phí dân sự đối với phần tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của anh T.Q.T1. Sửa bản án sơ thẩm số 236/2021/HNGĐ-ST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân Hện H.Đ, Hà Nội và xử:

Xác định tài sản chung của vợ chồng là số tiền 700.000.000đồng. Anh T.Q.T1 được hưởng 332.000.000đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu đồng*), chị N.T.M1 được hưởng 368.000.000đồng (*Ba trăm sáu mươi tám triệu đồng*). Chị N.T.M1 phải thanh toán cho anh T.Q.T1 số tiền 72.000.000đồng (*bảy mươi hai triệu đồng*).

2. Về án phí: Anh T.Q.T1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh T.Q.T1 phải chịu 16.600.000đồng án phí dân sự có giá ngạch, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 15213 ngày 21/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện H.Đ, Hà Nội, anh T.Q.T1 còn phải nộp 16.300.000đồng (*Mười sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) án phí chia tài sản. Chị N.T.M1 phải chịu 18.400.000đồng (*Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí chia tài sản.

Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

|                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b><u>Nơi nhận:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- VKSND TP. Hà Nội;</li> <li>- TAND Hện H.Đ;</li> <li>- Chi cục THADS Hện H.Đ;</li> <li>- Đường sự;</li> <li>- Lưu: HS, VP.</li> </ul> | <p><b>T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM<br/>THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA</b></p> <p><i>Phan Quyết T2</i></p> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|

